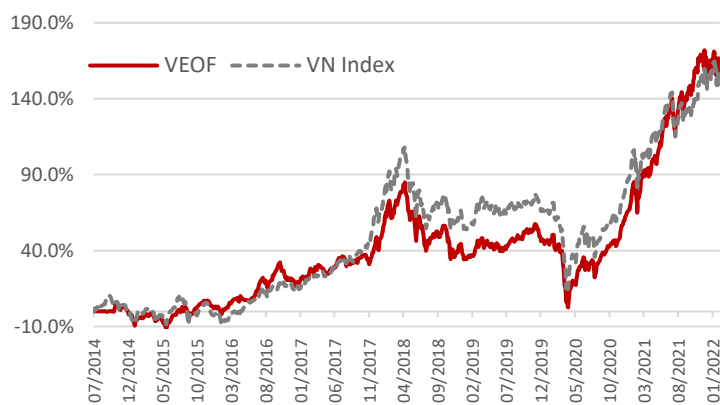


VEOF Chiến lược đầu tư

- Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, lựa chọn những cổ phiếu có kỳ vọng sinh lời cao thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng.
- Quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt, có nhiều tiềm năng tăng trưởng và đang được định giá thấp.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VEOF

| | VEOF | VN-Index |
|--|----------|----------|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 630,4 | |
| Giá trị TS ròng/CCQ (VNĐ) | 26.574,0 | |
| Lợi nhuận tháng 01/2022 (%) | 0,0 | (1,3) |
| Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%) | 0,0 | (1,3) |
| Lợi nhuận trung bình 3 năm (%) | 24,8 | 17,5 |
| Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%) | 13,7 | 13,2 |
| Lợi nhuận từ ngày thành lập (%) | 165,7 | 155,8 |

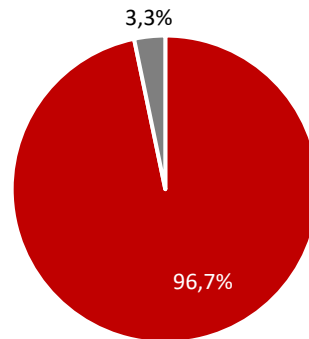
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

| | |
|-----------------------------|--|
| Ngày thành lập | 01/07/2014 |
| Phí quản lý | 1,75%/ năm |
| Phí phát hành | 0,0% |
| Phí mua lại | <ul style="list-style-type: none"> • 2,0% < 12 tháng • 1,5% >= 12 tháng • 0,5% >= 24 tháng |
| Mức đầu tư tối thiểu | VND2.000.000/ ~USD90 |
| Ngân hàng giám sát & Lưu ký | Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam) |
| Công ty kiểm toán | PwC Việt Nam |
| Tần suất giao dịch | Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu |
| Chỉ số tham chiếu | VN-Index |

Chỉ số danh mục đầu tư

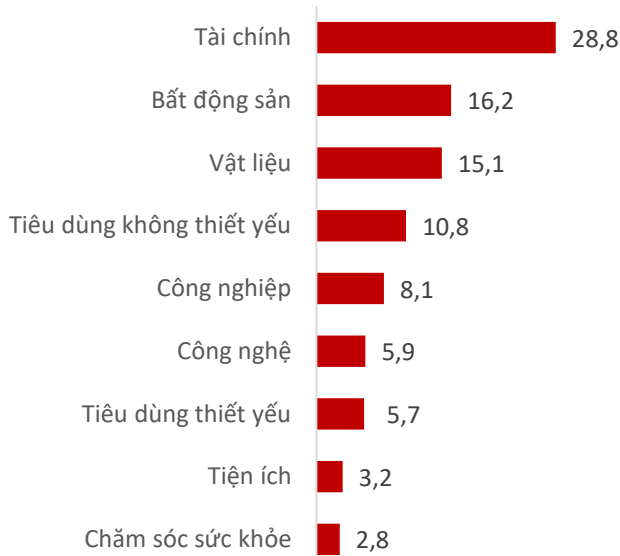
| | VEOF | VN-Index |
|------------------------|------|----------|
| Chỉ số P/E (x) (*) | 13,3 | 16,7 |
| Chỉ số P/B (x) (*) | 2,6 | 2,6 |
| Chỉ số ROE (%) (*) | 19,6 | 15,8 |
| Tỷ suất cổ tức (%) (*) | 1,3 | 1,2 |
| Vòng quay danh mục (%) | 41,4 | - |
| Hệ số Sharpe | 0,50 | 0,42 |
| Số lượng cổ phiếu | 33 | 407 |

(*) Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg, Dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Cập nhật thị trường và quỹ VEOF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Sau khi tăng trong 5 tháng liên tục, chỉ số VN Index giảm 1,3% trong tháng 1/2022. VN Index lập đỉnh lịch sử mới 1.528,6 điểm vào ngày 6/1, nhưng sau đó thị trường giảm và kết thúc tháng ở 1.479,0 điểm.

Thị trường chứng khoán thế giới cũng trải qua một giai đoạn biến động trong tháng 1. Chỉ số MSCI World Index giảm 5,5% trong tháng do thị trường dự báo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tăng mạnh lãi suất để chống lạm phát. Ở Việt Nam, những cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tính chất đầu cơ, nhất là những cổ phiếu bất động sản, giảm mạnh sau khi giá đã bị đẩy lên quá cao trong thời gian trước. Chỉ số VN Mid Cap và VN Small Cap giảm 9,3% và 14,8% trong tháng.

Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng 2,7 nghìn tỷ đồng trên cả ba sàn trong tháng 1. Đây là tháng bán ròng thứ 6 liên tiếp.

Ở mặt tích cực, chỉ số VN30 chỉ giảm 0,2% trong tháng 1, nhờ vào sự phục hồi của các cổ phiếu ngân hàng. Ngành Ngân hàng tăng 8,9% trong tháng, do dòng tiền chuyển từ nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ sang nhóm ngân hàng. Với việc kinh tế phục hồi sau COVID-19, nhóm ngân hàng được kỳ vọng sẽ đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2022. Bên cạnh ngành Ngân hàng, ngành Tiện ích và Năng lượng cũng tăng 6,9% và 1,9% trong tháng 1 nhờ giá dầu tăng.

Tính đến ngày 8/2, 302/421 công ty trên sàn HOSE, chiếm 90% vốn hóa của HOSE, đã công bố kết quả kinh doanh quý 4. Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, tổng lợi nhuận của những công ty này vẫn tăng trưởng 10% trong quý 4 và 38% trong cả năm 2021.

CẬP NHẬT QUỸ VEOF

Mặc dù chỉ số VN Index giảm 1,3% trong tháng 1/2022, giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VEOF gần như không thay đổi, đạt 26.574 đ/CCQ vào cuối tháng.

Một số cổ phiếu trong danh mục của VEOF, chủ yếu thuộc ngành Bất động sản và Vật liệu, giảm cùng với thị trường, tuy nhiên, giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VEOF vẫn được giữ vững nhờ diễn biến tích cực của các cổ phiếu ngân hàng (MBB +16,6%, STB +12,9%, TCB +5,6% trong tháng) và bất động sản khu công nghiệp (SZC +13,5%, PHR +10% trong tháng).

Hầu hết các cổ phiếu lớn trong danh mục của VEOF đều đạt được kết quả kinh doanh rất tích cực trong quý 4 và năm 2021. Hai ngân hàng MBB và TCB đạt tăng trưởng lợi nhuận 54% và 46% trong năm 2021, riêng quý 4 tăng 83% và 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận của MWG vượt mọi dự báo với tăng trưởng 66% trong quý 4 và 25% trong năm 2021. FPT đạt tăng trưởng lợi nhuận 22% trong năm 2021, tương đương với các dự báo trước đó, trong khi lợi nhuận 2021 của VHM tốt hơn nhiều so với kỳ vọng, đạt 39 nghìn tỷ đồng, tăng 43%. VHM cũng là công ty có lợi nhuận cao nhất trên thị trường chứng khoán.

Mặc dù có những biến động trong tháng 1, chúng tôi vẫn giữ quan điểm lạc quan về thị trường chứng khoán. Việc thị trường giảm có thể xảy ra trong một số thời điểm khi Fed tăng lãi suất hoặc khi các nhà đầu tư cá nhân trong nước giao dịch quá hưng phấn. COVID-19 cũng là rủi ro cần chú ý nếu tỷ lệ nhập viện tăng cao. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc kinh tế phục hồi, tăng trưởng lợi nhuận cao của các doanh nghiệp niêm yết và thị trường chứng khoán đang có định giá hợp lý sẽ chiếm vai trò thăng thế trên thị trường và giúp thị trường chứng khoán vượt qua những sự kiện tiêu cực.

Danh mục đầu tư lớn

| Cổ phiếu | Ngành | % Giá trị tài sản ròng |
|----------|---------------------------|------------------------|
| MWG | Tiêu dùng không thiết yếu | 7,5 |
| TCB | Tài chính | 7,0 |
| MBB | Tài chính | 6,6 |
| FPT | Công nghệ | 5,9 |
| VHM | Bất động sản | 5,2 |
| HPG | Vật liệu | 4,5 |
| VPB | Tài chính | 3,6 |
| STB | Tài chính | 3,4 |
| SZC | Công nghiệp | 3,2 |
| GAS | Tiện ích | 3,2 |

Lợi nhuận hằng tháng

| | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 | Lợi nhuận từ đầu năm |
|------|-------|-------|--------|------|------|-------|-------|------|-----|-----|-------|-------|----------------------|
| 2020 | (2,8) | (2,3) | (26,2) | 15,1 | 10,3 | (2,4) | (2,1) | 10,9 | 3,2 | 0,4 | 10,1 | 7,7 | 16,1 |
| 2021 | (0,1) | 11,8 | 0,5 | 5,6 | 11,6 | 5,1 | (1,8) | 3,0 | 3,2 | 8,3 | (0,1) | (0,3) | 56,5 |
| 2022 | 0,0 | | | | | | | | | | | | 0,0 |

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.